

Bản án số: 396/2018/HC-PT

Ngày 27 tháng 9 năm 2018

“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về giải quyết tranh chấp đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán:

Ông Đặng An Thanh

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 249/2018/TLPT-HC ngày 30 tháng 5 năm 2018 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1304/2018/QĐPT - HC ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Đình D1, sinh năm 1950 – Có mặt.

Trú ấp Cần Giãng, xã Thanh An, huyện D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Thanh K, sinh năm 1979; Trú số B1.5.08/3, Khu phố Hòa Long, phường Vĩnh Phú, thị xã T, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2017) – Vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Công D2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 11/01/2018) – Có đơn xin vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Văn P, sinh năm 1941; Trú ấp Cần Giãng, xã Thanh An, huyện D, tỉnh B – Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Bùi Đình D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2017 và các lời khai tiếp theo của người khởi kiện ông Bùi Đình D1 và người đại diện trình bày: Tháng 3 năm 1985, gia đình ông khai phá một lô đất rừng và đăng ký quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện B (nay thuộc huyện D) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01373 QSDĐ ngày 31/12/1997 thể hiện đất của ông là 3 phía khép kín. Các cơ quan chức năng của huyện trong quá trình đo đạc, lập bản đồ đã tự ý phân lô đất của gia đình ông thành 02 thửa số 53 và 54, tờ bản đồ số 32 mà gia đình ông không biết. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện giữa 02 thửa đất 53 và 54 có một lô trống không có diện tích, không ghi danh mục đường đi nên gia đình ông không khiếu nại khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông Dương Văn P khiếu nại thì ông kiểm tra lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông mới phát hiện thửa 53 và 54 của ông không liền nhau, mà ở giữa có lô trống. Ông P từ trước đến nay vẫn có con đường đi khác (hiện hữu) không phải đi trên lô trống giữa hai thửa đất của ông. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P là 4 phía khép kín.

Ông Dương Văn P có đơn yêu cầu ông trả lô đất nằm giữa thửa 53 và 54 để làm lối đi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D không tiến hành xác minh đầy đủ nguồn gốc đất và có sai lầm trong áp dụng pháp luật dẫn đến ban hành Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 không đúng thực tế về quyền sử dụng đất, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Do vậy, ông Bùi Đình D1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B hủy Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D.

Tại văn bản số 31/UBND-KT ngày 11/01/2018 và các lời khai tiếp theo của người bị kiện trình bày: Phần đất tranh chấp là đất công, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên theo quy định tại khoản 2, điểm a khoản 3 và khoản 4 Luật đất đai năm 2013 thì Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D là đúng thẩm quyền và hình thức.

Về nguồn gốc đất tranh chấp là đất công của Nhà nước để cho người dân sử dụng chung làm đường đi. Trước đây gia đình ông P sử dụng làm đường đi vào thửa số 71 của gia đình ông P. Sau khi có tranh chấp thì ông D1 cày lên trồng tràm và không cho gia đình ông P sử dụng. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 19/3/2009, ông D1 đã đồng ý mở rộng con đường chiều ngang 3 mét. Tháng 6 năm 2015, ông P có đơn tranh chấp. Ngày 30/6/2015, Ủy ban nhân dân ấp Cần Giãng tổ chức hòa giải nhưng không thành. Ngày 27/11/2015, Ủy ban nhân dân xã Thanh An tiến hành kiểm tra hiện

trạng con đường tranh chấp, đã ghi nhận kích thước và tứ cận con đường nhưng không mời các bên đương sự chứng kiến. Ngày 03/12/2015, Ủy ban nhân dân xã Thanh An tổ chức hòa giải nhưng không thành. Ngày 30/12/2015, Tòa án nhân dân huyện D thụ lý vụ án dân sự “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông P với bị đơn là ông D1, nhưng sau đó người đại diện của ông P rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện D ra Quyết định số 69/2016/QĐST ngày 19/5/2016 đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 26/8/2016, ông P nộp đơn tranh chấp đất đường đi đến Ủy ban nhân dân huyện D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thẩm tra, xác minh. Ngày 15/9/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp Ủy ban nhân dân xã Thanh An mời các đương sự đến con đường tranh chấp để kiểm tra hiện trạng. Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành xác minh những người có liên quan vào các ngày 23/9/2016, 14/10/2016 và tiến hành mời các đương sự đến làm việc vào các ngày 02/10/2016, 17/10/2016, 27/10/2016 nhưng chỉ có ông P đến, còn ông D1 vắng mặt. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D có Báo cáo số 120/BC-PTNMT ngày 31/10/2017 và ngày 20/02/2017 phối hợp với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Thanh An mời đương sự đến để vận động và hòa giải nhưng không thành. Từ đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2018, về việc giải quyết đơn tranh chấp đất đường đi giữa ông Dương Văn P với ông Bùi Đình D, con đường tọa lạc tại ấp Cần Giăng, xã Thanh An, huyện D, tỉnh B là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 3 khoản 4 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 89, khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông D1.

Tại Bản tự khai ngày 10/01/2018 và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn P trình bày: Năm 1984, ông mua thửa đất số 71 của vợ chồng ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị B1. Khi mua đã có con đường hiện hữu với chiều rộng khoảng 4 mét gia đình ông sử dụng làm đường đi ra vào đất và buôn bán mủ cao su. Ông đồng ý Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D.

Người làm chứng Hồ Ngọc T1, Lê Trọng T2, Bùi Đình B2, Cao Thị T3, Nguyễn Văn H đều trình bày: Chỉ thấy ông D1 khai phá đất rừng sử dụng và không thấy có con đường đi vào đất ông P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134, khoản 1 Điều 156, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đình D1 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/3/2018, người khởi kiện ông Bùi Đình D1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Bùi Đình D1 đồng ý xét xử vắng mặt người bị kiện. Ông giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh B với các lý do: Đất của ông liền một thửa nhưng cơ quan đo đạc tự ý tách ra thành hai thửa, giữa hai thửa có lô trống và lô trống này không có cột mốc, không ghi trong danh bạ là loại đất gì. Vì ông thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng nên ông không phát hiện thửa đất của ông bị chia làm 2, đến khi ông P tranh chấp thì ông kiểm tra lại mới biết. Trước đây đất này là đất hoang, gia đình ông khai khẩn sử dụng từ tháng 3/1985 đến nay nên đất này là của gia đình ông. Ông P đã có lối đi khác chứ không có sử dụng đất này làm lối đi, ông P nói ông mua đất của bà B1 là không đúng.

Ông Dương Văn P đồng ý xét xử vắng mặt người bị kiện. Ông D1 nói tôi có con đường khác đi vào đất là không đúng mà từ khi ông D1 trồng cây vào lối đi đến nay ông không canh tác được thửa đất phía trong của ông. Ông P thống nhất với Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D và không đồng ý với kháng cáo của ông D1.

Đại diện Viện kiểm sát xét thấy Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Về nội dung lối đi đã hình thành từ lâu được nhiều người xác nhận và lối đi này là đất công, không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D1 nhưng ông D1 đã lấn chiếm để trồng cây là vi phạm, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đình D1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Đình D1 trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

[2] Theo bản đồ địa chính chính quy số 32 xã Thanh An và kiểm tra thực tế thì giữa thửa đất số 53 với thửa số 54, cùng tờ bản đồ số 32 của ông Bùi Đình D1 được

Ủy ban nhân dân huyện B (Nay thuộc huyện D) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01373 QSDĐ ngày 31/12/1997 có một con đường đất công của Nhà nước, phần diện tích này không nằm trong các thửa đất mà ông Bùi Đình D1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông Bùi Đình D1 trồng cây trên con đường đất công này làm ảnh hưởng đến việc đi lại của ông Dương Văn P nên ông P có đơn khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Sau khi nhận đơn của ông Dương Văn P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D đã ban hành Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thẩm tra, xác minh. Cơ quan chức năng đã tiến hành thẩm tra, xác minh, tổ chức hòa giải, vận động nhưng không thành. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành quyết định giải quyết là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 89 Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai.

Về nội dung: Ông Bùi Đình D1 cho rằng phần diện tích đang tranh chấp là của gia đình ông, nhưng phần đất này ông không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông; Ngược lại, theo bản đồ địa chính chính quy số 32 xã Thanh An và kiểm tra thực tế thì phần đất tranh chấp là đất công của Nhà nước dùng làm lối đi chung cho nhân dân nên Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D mở con đường đi chung và buộc ông Bùi Đình D1 phải thanh lý toàn bộ cây tràm ra khỏi con đường là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đình D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ông Bùi Đình D1 là người cao tuổi nên được miễn 100% án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Đình D1 và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Bác đơn khởi kiện của ông Bùi Đình D1 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh B.

[3] Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Bùi Đình D1. Hoàn trả cho ông Bùi Đình D1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010962 ngày 18/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[4] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

